

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

.....

Thời gian: *Bắt đầu lúc 8h30 ngày 29/3/2021 (thứ hai)*

Địa điểm: *Hội trường tầng 5, Trụ sở Công ty VIMECO*

Lô E9 Phạm Hùng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THỜI GIAN	NỘI DUNG
8h00-8h30	Đón tiếp và Đăng ký đại biểu.
8h30-8h35	Báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu cổ đông và công bố số lượng đại biểu cổ đông tham dự.
8h35-9h10	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và khai mạc Đại hội. Thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết, Ban kiểm phiếu bầu cử. Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình Đại hội. Mời Đoàn chủ tịch, Ban thư ký lên làm việc.
9h10-9h30	- Báo cáo của Ban điều hành về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. - Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 được kiểm toán.
9h30-9h35	- Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2021.
9h35-9h45	- Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông; - Tờ trình về việc kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.
9h45-9h55	- Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2020. - Tờ trình về thông qua phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.
9h55-10h05	- Tờ trình của HĐQT về việc phê duyệt Điều lệ Công ty, phê duyệt Quy chế nội bộ và quản trị Công ty, - Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; - Tờ trình của Ban kiểm soát về việc phê duyệt Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.
10h05-10h10	- Tờ trình thông qua chủ trương giao dịch với Công ty mẹ Vinaconex và/hoặc công ty thành viên trong cùng tập đoàn/nhóm Vinaconex. - Các nội dung khác (nếu có)
10h10-10h40	- Thảo luận của Đại hội (theo nội dung đăng ký thảo luận của cổ đông)

THỜI GIAN	NỘI DUNG
10h40-11h00	Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ về: - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 được kiểm toán. - Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2021. - Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông. - Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty. - Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2020. - Phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021. - Tờ trình của HĐQT về việc phê duyệt Điều lệ Công ty, phê duyệt Quy chế nội bộ và quản trị Công ty, - Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; - Tờ trình của Ban kiểm soát về việc phê duyệt Quy chế hoạt động Ban kiểm soát. - Tờ trình thông qua chủ trương giao dịch với Công ty mẹ Vinaconex và/hoặc công ty thành viên trong cùng tập đoàn/nhóm Vinaconex. - Các nội dung khác (nếu có)
11h00-11h30	Bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS:
	Trình bày: - Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS - Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS
	Biểu quyết thông qua: - Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS - Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS
	- Trình bày Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS
	- Biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS
	- Giới thiệu các ứng cử viên HĐQT, BKS do cổ đông đề cử
	- Thông qua danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS
	- Tổ kiểm phiếu bầu cử hướng dẫn các cổ đông bỏ phiếu, - Đại hội tiến hành bầu bổ sung HĐQT, BKS.
11h30-11h45	NGHỈ GIẢI LAO
11h45-12h00	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung trình Đại hội - Thông báo kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS. - Thành viên HĐQT, BKS ra mắt Đại hội.
12h00-12h10	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội
12h10	Bế mạc Đại hội



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ : Lô E9 đường Phạm Hùng – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

Điện thoại : 024-37848204

Fax : 024- 37848202

VIMECO

Tất cả vì bạn - All for you

Email : mail@vimeco.com

Website : www.vimeco.com.vn

Hà nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Căn cứ:

- ✦ Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- ✦ Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- ✦ Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vimeco được các cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 08/3/2019.
- ✦ Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty được các cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 08/3/2019.

Mục tiêu của Quy chế:

- ✦ Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- ✦ Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Vimeco.

Ban tổ chức xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội hướng dẫn. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban tổ chức.
2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không để chuông.
3. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội và thực hiện quyền/nghĩa vụ biểu quyết đối với tất cả các nội dung trình Đại hội thông qua. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức hoặc không gửi lại phiếu biểu quyết về các nội dung của Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó được coi là đã không tham dự Đại hội (đối với những nội dung mà cổ đông/đại diện cổ đông đó không thực hiện biểu quyết).

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện cho hơn 50% Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 phải được triệu tập trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện cho ít nhất 33% Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba sẽ được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Đối tượng được tham gia biểu quyết

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V092/2021-VMC/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập tại Ngày đăng ký cuối cùng 26/2/2021) hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V092/2021-VMC/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập tại Ngày đăng ký cuối cùng 26/2/2021) trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ.

2. Nguyên tắc biểu quyết

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết trong đó ghi Mã số tham dự và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Vimeco.

Cổ đông/đại diện cổ đông được coi là tham dự Đại hội khi tham dự và thực hiện biểu quyết tại Đại hội.

3. Cách biểu quyết

Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết từng vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội theo điều khiển của Chủ tọa bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và ghi Phiếu biểu quyết.

Các nội dung thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

- Thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết, Ban kiểm phiếu bầu cử.
- Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình Đại hội.
- Thông qua Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông.
- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Các nội dung thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và ghi Phiếu biểu quyết:

- Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 được kiểm toán.
- Báo cáo của Ban điều hành về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2021.
- Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông;
- Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2020.
- Tờ trình Quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021

- Tờ trình về việc kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.
- Tờ trình của HĐQT về việc phê duyệt Điều lệ Công ty, phê duyệt Quy chế nội bộ và quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát.
- Tờ trình thông qua chủ trương giao dịch với Công ty mẹ Vinaconex và/hoặc công ty thành viên trong cùng tập đoàn/nhóm Vinaconex.
- Các nội dung khác (nếu có).

Trong trường hợp có sự khác biệt về kết quả biểu quyết giữa phương thức ghi Thẻ biểu quyết và ghi Phiếu biểu quyết, kết quả biểu quyết tại ĐHĐCĐ được xác định theo phương thức ghi Phiếu biểu quyết thu về tại Đại hội.

3.1. Biểu quyết bằng ghi Thẻ biểu quyết

Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết bằng cách ghi Thẻ biểu quyết (Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến) cho từng nội dung. Khi biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông ghi cao Thẻ biểu quyết của mình lên khi được Chủ tọa hỏi. Theo sự điều hành của Chủ tọa, cổ đông/đại diện cổ đông “Tán thành” sẽ ghi Thẻ biểu quyết lên trước, tiếp sau đó cổ đông/đại diện cổ đông “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” sẽ lần lượt ghi Thẻ biểu quyết.

3.2. Biểu quyết bằng phương thức ghi Phiếu biểu quyết:

- Mỗi nội dung tại Phiếu biểu quyết có 03 ô để cổ đông lựa chọn ý kiến biểu quyết bao gồm:
 - o Ô biểu quyết “Tán thành”;
 - o Ô biểu quyết “Không tán thành”;
 - o Ô biểu quyết “Không có ý kiến”.

Khi biểu quyết từng nội dung, cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp thể hiện ý kiến biểu quyết (“Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”) bằng cách đánh dấu “X” hoặc “√” vào 01 trong 03 ô biểu quyết, ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết để nộp cho Ban Kiểm phiếu. Nội dung phiếu biểu quyết không hợp lệ là nội dung mà cổ đông/người đại diện của cổ đông không đánh dấu vào ô biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với cùng 1 nội dung biểu quyết. Nếu Phiếu biểu quyết hợp lệ có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì các nội dung hợp lệ còn lại vẫn được tính vào kết quả biểu quyết đối với nội dung hợp lệ đó.

- Việc bỏ phiếu Phiếu biểu quyết được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa đại hội hoặc đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi Ban Kiểm phiếu thu hết Phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông dự họp hoặc sau 15 (mười lăm) phút kể từ thời điểm Chủ tọa tuyên bố bắt đầu thời gian bỏ phiếu, tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.
 - Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông có yêu cầu đổi lại Phiếu biểu quyết do bị rách, nát, sơ suất viết thêm các ký hiệu lên Phiếu biểu quyết, nếu cổ đông/đại diện cổ đông chưa bỏ phiếu biểu quyết và chưa hết thời gian bỏ phiếu, thì cổ đông/đại diện cổ đông được quyền gặp trực tiếp Ban Kiểm phiếu trả lại Phiếu biểu quyết đã nhận để đổi lại Phiếu biểu quyết mới nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông/đại diện cổ đông. Ban Kiểm phiếu tập hợp các Phiếu biểu quyết cũ và gửi lại Chủ tọa đại hội.
 - Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm thu Phiếu biểu quyết, kiểm Phiếu biểu quyết, lập Biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết sẽ được Ban Kiểm phiếu xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội.
- ### 4. Các trường hợp biểu quyết được coi là không hợp lệ:
- Các trường hợp việc biểu quyết bằng ghi Thẻ biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông được coi là không hợp lệ:
- Cổ đông/đại diện cổ đông không ghi Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của cùng một vấn đề.
 - Cổ đông/đại diện cổ đông ghi cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn 01 lần khi biểu quyết một vấn đề.

- 4.1. Các trường hợp việc biểu quyết bằng ghi Phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông được coi là không hợp lệ:
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu quy định của Công ty hoặc không có dấu của Công ty.
 - Phiếu biểu quyết bị tẩy xóa làm cho không thể xác định được một cách rõ ràng về ý định biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông đối với nội dung được biểu quyết tương ứng.
 - Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.
 - Trường hợp một nội dung biểu quyết có từ hai phương án biểu quyết trở lên mà cổ đông/đại diện cổ đông lựa chọn tán thành vào cả hai hoặc nhiều hơn hai phương án biểu quyết.
 - Một nội dung biểu quyết có ghi từ 02 ý kiến biểu quyết khác nhau (“Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”) hoặc không có lựa chọn ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó bị coi là không hợp lệ.
 - Trường hợp Phiếu biểu quyết có nhiều nội dung biểu quyết, nếu có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì chỉ nội dung biểu quyết đó sẽ được tính là không hợp lệ và không ảnh hưởng tới tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác trong Phiếu biểu quyết đó.
5. **Điều kiện thông qua các vấn đề xin ý kiến cổ đông tại Đại hội**
- 5.1. Mỗi cổ phần của cổ đông/đại diện cổ đông dự họp và thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội sẽ có một quyền biểu quyết.
- 5.2. Ngoại trừ các vấn đề quy định tại Mục 5.3 dưới đây, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được sự tán thành của số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện hơn 50% Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông dự họp và thực hiện quyền biểu quyết.
- 5.3. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thanh đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được sự tán thành của số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện ít nhất 65% Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông dự họp và thực hiện quyền biểu quyết.
- 5.4. Đối với việc thông qua Tờ trình về các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty với các đối tượng theo quy định tại theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này cổ đông và người có liên quan của cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch đó không có quyền biểu quyết.
- 5.5. Cổ đông/người đại diện của cổ đông không tham gia biểu quyết về vấn đề nào thì sẽ không được tính vào tổng số cổ phần tham gia biểu quyết về vấn đề đó tại Đại hội.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội có ý định phát biểu ý kiến thảo luận phải tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc giơ cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông/đại diện cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông/đại diện cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông/đại diện cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước sau đó lần lượt các cổ đông/đại diện cổ đông giơ Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông/đại diện cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa

sẽ sắp xếp cho cổ đông/đại diện cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông/đại diện cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông/đại diện cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp.
4. Chủ tọa có quyền:
 - Yêu cầu tất cả cổ đông/đại diện cổ đông dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những cổ đông/đại diện cổ đông không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số cổ đông/đại diện cổ đông đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông/đại diện cổ đông dự họp.
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông/đại diện cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
6. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được Đại hội thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

1. Tham gia đón tiếp và hướng dẫn bố trí chỗ ngồi cho cổ đông.
2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
3. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
4. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.
5. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về việc biểu quyết tại Đại hội.

VIII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần VIMECO.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.



T/M. ĐOÀN CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đông



VIMECO

Tất cả vì bạn - All for you

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ : Lô E9 đường Phạm Hùng – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

Điện thoại : 024-37848204

Fax : 024- 37848202

Email : mail@vimeco.com

Website : www.vimeco.com.vn

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021

QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018-2023 CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần VIMECO.
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần VIMECO.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần VIMECO tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các nội dung dưới đây:

ĐIỀU 1: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V092/2021-VMC/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập tại Ngày đăng ký cuối cùng 26/02/2021) hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

2.1 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty):

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

2.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS (theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty):

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;

- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- e. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

ĐIỀU 3: Đề cử ứng cử viên HĐQT, BKS và số thành viên được bầu

3.1 Đề cử ứng cử viên HĐQT (Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020, và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty)

- a. Các cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên..

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

3.2 Đề cử ứng cử viên BKS (Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty)

- a. Các cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử các ứng viên Ban kiểm soát, cụ thể:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên của tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử chín (09) ứng cử viên.
- b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3.3 Số lượng thành viên HĐQT và BKS được bầu

- a. Số lượng thành viên HĐQT được bầu:
Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 29/03/2021 là 03 người.
- b. Số lượng thành viên BKS được bầu:
Số lượng Kiểm soát viên được bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 29/03/2021 là 01 người.

ĐIỀU 4: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

4.1 Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS:

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

4.2 Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát Phiếu bầu HĐQT và Phiếu bầu BKS;
- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết bầu HĐQT, BKS kèm theo mã số tham dự của cổ đông;
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu Bầu cử đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông tiến hành bầu tối đa cho số lượng thành viên HĐQT và BKS được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

ĐIỀU 5: Phương thức bầu cử

- 5.1 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- 5.2 Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS được Đại hội cổ đông thông qua;
- 5.3 Cổ đông chọn một trong hai phương pháp sau đây để bầu thành viên HĐQT/BKS:
 - Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu: cổ đông chỉ cần tích dấu (x) vào ô trống của từng ứng cử viên mà mình bầu. Số phiếu bầu của từng ứng cử viên được chọn là kết quả chia đều của Tổng số quyền bầu của cổ đông chia cho số ứng cử viên được lựa chọn.
 - Bầu cử bằng phương pháp ghi số quyền biểu quyết bầu cho số ứng cử viên mà mình lựa chọn: cổ đông ghi trực tiếp số quyền biểu quyết bầu vào ô trống của số ứng cử viên mà mình lựa chọn. Số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên. Tổng cộng số quyền biểu quyết bầu mà cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên được bầu không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết bầu của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

Ghi chú:

- ❖ Cổ đông chỉ lựa chọn một trong hai phương pháp để thực hiện bầu HĐQT/BKS. Nếu cổ đông/đại diện cổ đông thực hiện đồng thời cả hai phương pháp nêu trên thì phiếu bầu của cổ đông/đại diện cổ đông là **không hợp lệ**.
- ❖ Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (*có giấy ủy quyền*), người được ủy quyền (đại diện cổ đông) có đầy đủ quyền biểu quyết/bầu cử.

ĐIỀU 6: Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- 6.1. Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty.
- 6.2. Phiếu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
- 6.3. Phiếu có Tổng cộng số quyền biểu quyết bầu mà cổ đông/đại diện cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên được bầu vượt quá tổng số quyền biểu quyết bầu của cổ đông/đại diện cổ đông đó.
- 6.4. Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.
- 6.5. Phiếu bầu quá số lượng thành viên HĐQT/BKS đã được Đại hội thông qua.
- 6.6. Cổ đông/đại diện cổ đông sử dụng cả hai phương pháp bầu (ghi phiếu trên phiếu bầu).

ĐIỀU 7: Ban kiểm phiếu Bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

7.1. Ban kiểm phiếu Bầu cử

- a. Ban kiểm phiếu Bầu cử do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Ban kiểm phiếu Bầu cử có trách nhiệm:
 - Hướng dẫn cổ đông quy trình bầu cử, cách thức bỏ phiếu;
 - Phát phiếu bầu;
 - Tiến hành kiểm phiếu;
 - Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- c. Thành viên Ban kiểm phiếu Bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS;

7.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- a. Ban kiểm phiếu Bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu Bầu cử công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 8: Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS (Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)

- 8.1. Người trúng cử thành viên HĐQT/BKS được xác định theo số quyền biểu quyết bầu mà ứng cử viên nhận được tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên nhận được số quyền biểu quyết bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT và số lượng thành viên BKS được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- 8.2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

ĐIỀU 9: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- 9.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu Bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tổng số quyền biểu quyết bầu của các cổ đông tham gia bỏ phiếu (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; Tổng số quyền biểu quyết bầu nhận được của từng ứng cử viên vào HĐQT và BKS;
- 9.2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 10: Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ toạ cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 10 Điều, được đọc công khai và có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.



Nguyễn Xuân Đông

HƯỚNG DẪN

BẦU ĐƠN PHIẾU ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua số lượng thành viên HĐQT được bầu tại ĐHCĐ là 7 người.

Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số quyền biểu quyết bầu thành viên HĐQT của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$(1.000.000 \times 7) = 7.000.000 \text{ quyền biểu quyết bầu HĐQT.}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu đơn phiếu cho các ứng cử viên HĐQT theo một trong hai phương pháp sau:

1. **Phương pháp thứ nhất - Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu:** Cổ đông Nguyễn Văn A chỉ cần tích dấu (x) vào ô trống tương ứng cho các ứng cử viên HĐQT mà mình bầu, tối thiểu là 1 và tối đa là 7 ứng viên (ngoài ra, cổ đông có thể gạch ngang tên của những ứng viên mà mình không bầu). Số phiếu biểu quyết bầu của từng ứng cử viên được cổ đông Nguyễn Văn A đã lựa chọn bầu bằng việc tích dấu (x) là kết quả chia đều của Tổng số quyền biểu quyết bầu của cổ đông Nguyễn Văn A (7.000.000) chia cho số ứng cử viên đã được cổ đông Nguyễn Văn A lựa chọn bầu.
2. **Phương pháp thứ hai - Bầu cử bằng phương pháp ghi số quyền biểu quyết bầu cho số ứng cử viên mà mình lựa chọn:** Cổ đông Nguyễn Văn A ghi trực tiếp số quyền biểu quyết bầu cụ thể vào ô trống tương ứng của từng ứng cử viên HĐQT mà mình lựa chọn bầu, tối thiểu là 1 và tối đa là 7 ứng viên. Số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên HĐQT có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông Nguyễn Văn A đối với mỗi ứng cử viên. Tổng cộng số quyền biểu quyết bầu mà cổ đông Nguyễn Văn A bầu cho tất cả các ứng cử viên HĐQT được bầu không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết bầu của mình (7.000.000).

Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- a. Phiếu bầu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu treo của Công ty trên Phiếu bầu.
- b. Tổng số quyền biểu quyết bầu cho những ứng cử viên đó của cổ đông Nguyễn Văn A vượt quá con số 7.000.000 quyền biểu quyết bầu.
- c. Số ứng viên HĐQT cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu vượt quá 7 người.
- d. Phiếu bầu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử HĐQT đã được ĐHCĐ thông qua.
- e. Phiếu bầu cử không có chữ ký của cổ đông Nguyễn Văn A.
- f. Cổ đông Nguyễn Văn A thực hiện đồng thời cả hai phương pháp bầu.
- g. Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội cổ đông thông qua.

PHỤ LỤC 2

HƯỚNG DẪN

BẦU ĐÒN PHIẾU ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu tại ĐHĐCĐ là 5 người.

Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số quyền biểu quyết bầu thành viên BKS của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$(1.000.000 \times 5) = 5.000.000 \text{ quyền biểu quyết bầu BKS.}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu đôn phiếu cho các ứng cử viên BKS theo một trong hai phương pháp sau:

1. **Phương pháp thứ nhất - Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu:** Cổ đông Nguyễn Văn A chỉ cần tích dấu (x) vào ô trống tương ứng cho các ứng cử viên BKS mà mình bầu, tối thiểu là 1 và tối đa là 5 ứng viên (ngoài ra, cổ đông có thể gạch ngang tên của những ứng viên mà mình không bầu). Số phiếu biểu quyết bầu của từng ứng cử viên được cổ đông Nguyễn Văn A đã lựa chọn bầu bằng việc tích dấu (x) là kết quả chia đều của Tổng số quyền biểu quyết bầu của cổ đông Nguyễn Văn A (5.000.000) chia cho số ứng cử viên đã được cổ đông Nguyễn Văn A lựa chọn bầu.
2. **Phương pháp thứ hai - Bầu cử bằng phương pháp ghi số quyền biểu quyết bầu cho số ứng cử viên mà mình lựa chọn:** Cổ đông Nguyễn Văn A ghi trực tiếp số quyền biểu quyết bầu cụ thể vào ô trống tương ứng của từng ứng cử viên BKS mà mình lựa chọn bầu, tối thiểu là 1 và tối đa là 5 ứng viên. Số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên BKS có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông Nguyễn Văn A đối với mỗi ứng cử viên. Tổng cộng số quyền biểu quyết bầu mà cổ đông Nguyễn Văn A bầu cho tất cả các ứng cử viên BKS được bầu không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết bầu của mình (5.000.000).

Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- a. Phiếu bầu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu treo của Công ty trên Phiếu bầu.
- b. Tổng số quyền biểu quyết bầu cho những ứng cử viên đó của cổ đông Nguyễn Văn A vượt quá con số 5.000.000 quyền biểu quyết bầu.
- c. Số ứng viên BKS cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu vượt quá 5 người.
- d. Phiếu bầu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- e. Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông Nguyễn Văn A.
- f. Cổ đông Nguyễn Văn A thực hiện đồng thời cả hai phương pháp bầu.
- g. Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội cổ đông thông qua.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

V/v: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch năm 2021
Của Công ty cổ phần VIMECO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty cổ phần Vimeco xin trân trọng cảm ơn Quý vị đã đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Vimeco.

Sau đây Tổng giám đốc Công ty thay mặt Ban Tổng giám đốc công ty xin được báo cáo với các Quý cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

I. THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	% thay đổi	
				KH 2020	TH 2019
Hợp nhất công ty					
- Doanh thu	1.122,37	642,88	1.156,57	-42,72	-44,41
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	26,248	3,41	7,82	-87,02	-56,39
Công ty mẹ					
- Doanh thu	1.055,87	632,99	1.146,27	-40,05	-44,78
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	23,25	3,29	9,61	-85,85	-65,76
- Cổ tức	8%	Dự kiến 5%	8%	-37,5	-37,5

(Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

Năm 2020 là năm vô cùng khó khăn đối không chỉ đối với Công ty, các công ty trong ngành xây dựng mà còn cả nền kinh tế nước ta. Các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận sau thuế năm 2020 không đạt so với kế hoạch SXKD.

Một số nguyên nhân chính dẫn đến các chỉ tiêu không đạt:

- Doanh thu dự kiến từ công việc tìm kiếm mới trong năm 2020 không đạt chỉ tiêu: Do tình hình kinh tế xã hội năm 2020 dịch bệnh kéo dài nên các nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực xây dựng cơ bản bị ngừng trệ (kể cả nguồn vốn FDI và nguồn vốn từ các nhà đầu tư trong nước) dẫn đến khó khăn cho công tác tìm kiếm các công việc mới. Các nhà đầu tư vốn FDI có kế hoạch triển khai dự án đều tạm thời hoãn công tác đấu thầu khi các chuyên gia nước ngoài không thể sang nước ta do hạn chế đi lại. Các dự án của các chủ đầu tư tư nhân cũng tạm thời dừng triển khai trước lo ngại ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài.

- Các Hợp đồng dự kiến triển khai trong năm 2020 không thực hiện được, chậm triển khai hoặc triển khai ngắt quãng do dịch Covid-19, thiên tai kéo dài. Đặc biệt là tại khu vực Đà Nẵng, khu vực dự kiến có doanh thu lớn trong năm 2019 kể cả lĩnh vực xây lắp và SXKD bê tông thương phẩm khi dịch Covid-19 phải thực hiện 02 đợt cách ly sau đó liên tiếp 02 cơn bão lớn.

- Doanh thu và lợi nhuận cho thuê bất động sản giảm do trong năm 2020 một số khách hàng đã hết hạn hợp đồng cũ nhưng không thuê tiếp, các khách hàng khác đề nghị giảm giá thuê hỗ trợ trong thời kỳ dịch Covid-19.

- Các công trình dự kiến do Tổng công ty giao không thực hiện được (khoảng 100 tỷ Doanh thu trong năm 2020). Một số công trình Tổng công ty giao: Cao tốc Phan thiết Dầu Dây, Cầu Vĩnh Tuy, Viện K triển khai cuối năm 2020 chưa đóng góp cho doanh thu năm 2020.

Mặc dù với Doanh thu không đạt chỉ tiêu, Ban điều hành Công ty cũng đã hết sức nỗ lực để giảm chi phí bằng các biện pháp như giảm biên chế CBCNV từ 854 người năm 2019 xuống 487 người năm 2020, cho CBCNV nghỉ chờ việc... nhưng cũng không thể giảm chi phí tương ứng với doanh thu do:

+ Chi phí khấu hao Công ty năm 2020 lên đến **35,1 tỷ đồng/năm**.

+ Do công ty là công ty thi công cơ giới, số lượng XMTB nhiều, nhân sự thợ lái xe lái máy nhiều chủ yếu là thợ lái máy bậc cao nếu cho nghỉ không dễ tuyển dụng lại khi cần thiết.

+ Các công trình đang triển khai phải tạm dừng dẫn đến chi phí công trường lớn, không thể cho người lao động về địa phương do hạn chế đi lại tại Đà Nẵng.

+ Công ty vẫn phải duy trì bộ máy cán bộ làm công tác thanh quyết toán đối với các công trình dở dang, có nguồn vốn trong nước đặc biệt là các công trình có nguồn vốn ngân sách.

Ban lãnh đạo công ty chủ trương sắp xếp, điều chỉnh lại chi phí lương của bộ máy quản lý doanh nghiệp như sau: bổ sung vào lương bộ máy quản lý doanh nghiệp phần lương CBCNV Xưởng Ngọc Hồi, các kho cơ giới An Khánh và kho cơ giới Đà Nẵng mà không phân bổ lương vào các công trình, khối trạm trộn như các năm trước nên làm tăng cơ học chi phí lương bộ máy quản lý doanh nghiệp so với dự kiến.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021, trước ảnh hưởng của đại dịch virus COVID-19 tác động đến toàn bộ nền kinh tế, Công ty vẫn xây dựng kế hoạch SXKD có sự tăng trưởng so với năm 2020:

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	% thay đổi
Hợp nhất công ty			
- Doanh thu	642,88	1.374,70	113,83
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	3,41	20,72	507,62
Công ty mẹ			
- Doanh thu	632,99	1.202,05	89,90
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	3,29	18,32	456,84
- Cổ tức	Dự kiến 5%	Dự kiến 5%	0

2. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2021

Để thực hiện được mức doanh thu 1.374 tỷ đồng nêu trên, Công ty cần triển khai mạnh mẽ công tác tìm kiếm công việc trong năm 2021. Ngoài sự nỗ lực của ban điều hành, kính mong quý cổ đông hỗ trợ Ban điều hành thêm trong công tác tìm kiếm dự án, công trình. Trong kế hoạch năm 2021 trên, phần công việc dự kiến tìm kiếm mới do đo cổ đông Vinaconex giao là khoảng 300 tỷ đồng.

* Hoạt động xây lắp:

Tận dụng mọi mối quan hệ của toàn bộ CBCNV Công ty để tiếp cận và tìm kiếm việc làm Tăng cường quảng bá thương hiệu, nâng cấp Website và Profile để khách hàng tiếp cận được tốt hơn thông tin doanh nghiệp.

Đẩy mạnh tìm kiếm các công việc có nguồn vốn FDI từ các đối tác: Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Nhật Bản,...

Phối hợp với các đơn vị tư vấn thiết kế để xây dựng đơn giá cạnh tranh cho Chủ đầu tư khi đầu tư dự án tại Việt Nam.

* Sản xuất vật liệu xây dựng:

Thúc đẩy công tác tìm kiếm và sản xuất tại 2 trạm bê tông thương phẩm là trạm bê tông Tây Mỗ và trạm Đà Nẵng.

Tìm kiếm thêm dự án để lắp trạm tại dự án, cố gắng tìm kiếm các dự án có yếu tố nước ngoài để đảm bảo dòng tiền ổn định và tỷ suất lợi nhuận, giảm nợ xấu khó đòi.

Thúc đẩy hơn nữa công tác thu hồi công nợ, giảm tối đa công nợ tồn đọng, đặc biệt công nợ cũ, lâu năm.

Trên đây là toàn bộ nội dung đánh giá kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 của Công ty xin ý kiến các Quý vị Cổ đông. Ban điều hành Công ty trân trọng cảm ơn các Quý cổ đông, các nhà đầu tư, các đối tác, khách hàng, HĐQT và CBCNV toàn Công ty đã ủng hộ tạo mọi điều kiện để Công ty hoàn thành kế hoạch năm 2021 và những năm tiếp theo.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu VP, TKTH.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**V/v.: Quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên
Hội đồng quản trị.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh COVID-19 kéo dài từ năm 2020 đến nay, hoạt động xây dựng gần như bị gián đoạn và đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI suy giảm. Do dịch bệnh bùng phát trên phạm vi cả nước, các biện pháp mạnh như hạn chế đi lại, cách ly xã hội được áp dụng khiến một số doanh nghiệp phải cân nhắc tạm dừng hoạt động xây dựng để đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp cũng như cộng đồng. Các doanh nghiệp xây dựng cũng gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục đấu thầu dự án hay mua sắm phục vụ cho hoạt động xây dựng.

Cũng do dịch bệnh Covid-19 nên nhiều chủ đầu tư không thể sang Việt Nam do các chuyến bay quốc tế tạm ngừng khai thác, hoặc e dè chưa quyết định đầu tư trong điều kiện thị trường biến động mạnh nên vốn FDI được dự đoán sẽ tiếp tục suy giảm. Điều này có nghĩa là sẽ không có nhiều dự án xây dựng công nghiệp có vốn FDI được triển khai xây dựng trong thời gian tới.

Công ty cổ phần VIMECO đã nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) ổn định, phát huy ưu thế về vốn, tính linh hoạt, nhạy bén của tư duy quản lý tư nhân, tích cực tìm kiếm nguồn việc xây lắp mới. Hội đồng quản trị (HĐQT) cùng Ban điều hành và toàn thể CBNV Công ty đã không ngừng cố gắng, phấn đấu để vượt qua khó khăn, thực hiện các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SXKD CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 của Công ty:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	% thay đổi	
				KH 2020	TH 2019
Hợp nhất công ty					
- Doanh thu	1.122,37	642,88	1156,57	-42,72	-44,41
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	26,248	3,41	7,82	-87,02	-56,39
Công ty mẹ					
- Doanh thu	1.055,87	632,99	1.146,27	-40,05	-44,78
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	23,25	3,29	9,61	-85,85	-65,76
- Cổ tức	8%	Dự kiến 5%	8%	-37,5	-37,5

2. Đánh giá chung về kết quả SXKD của Công ty mẹ và hợp nhất năm 2020:

Năm 2020, các lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty mẹ và hợp nhất đều đạt kết quả thấp do một số nguyên nhân sau:

Doanh thu dự kiến từ công việc tìm kiếm mới trong năm 2020 không đạt chỉ tiêu: do năm 2020 tình hình dịch bệnh kéo dài nên các nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực xây dựng cơ bản bị ngừng trệ (kể cả nguồn vốn FDI và nguồn vốn từ các nhà đầu tư trong nước) dẫn đến khó khăn cho công tác tìm kiếm các công việc mới.

Các Hợp đồng dự kiến triển khai trong năm 2020 không thực hiện được, chậm triển khai hoặc triển khai ngắt quãng do dịch Covid-19, thiên tai kéo dài. Đặc biệt là tại khu vực Đà Nẵng, khu vực dự kiến có doanh thu lớn trong năm 2020 về lĩnh vực xây lắp và SXKD bê tông thương phẩm nhưng do dịch Covid-19 đã phải thực hiện 02 đợt cách ly và sau đó là liên tiếp 02 cơn bão lớn.

Mặc dù Doanh thu không đạt chỉ tiêu song Công ty đã hết sức nỗ lực để giảm chi phí bằng các biện pháp sắp xếp nhân sự hợp lý, tuy nhiên, mức giảm chi phí còn chưa tương ứng với doanh thu do đặc thù của công ty thì công cơ giới như: số lượng XMTB nhiều, nhân sự thợ lái xe lái máy nhiều chủ yếu là thợ lái máy bậc cao nếu cho nghỉ không dễ tuyển dụng lại khi cần thiết; chi phí khấu hao lớn.

II. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Đánh giá chung

Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao, hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế của HĐQT, đảm bảo vai trò quản lý, chỉ đạo toàn diện Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành các lĩnh vực SXKD, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty.

2. Về công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp, ban hành 08 Nghị quyết và 10 Quyết định (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Công ty và chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên (tháng 3/2020). Tùy theo yêu cầu công việc, HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ hoặc xin ý kiến biểu quyết bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ SXKD. Các thành viên BKS được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành đúng quy định về thẩm quyền, đáp ứng yêu cầu công việc của Công ty trong năm 2020.
- Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động SXKD năm 2020 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Chỉ đạo lập Báo cáo tài chính công ty mẹ và Hợp nhất năm 2020 theo quy định.
- Phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn và bảo lãnh năm 2020; Quyết định chi trả cổ tức năm 2020.
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện sắp xếp lại tổ chức, nhân sự trong toàn Công ty.

3. Về hoạt động của từng thành viên HĐQT

Đề nghị Quý cổ đông xem tại Phụ lục 1 gửi kèm báo cáo này.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

Đề nghị Quý cổ đông xem tại Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ www.vimeco.com.vn.

5. Các cuộc họp và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Đề nghị Quý cổ đông xem chi tiết tại Báo cáo thường niên năm 2020 của Tổng công ty được đăng tải trên website của Tổng công ty tại địa chỉ www.vimeco.com.vn.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc, đứng đầu là Tổng giám đốc, đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và Đăng ký kinh doanh. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc là những cán bộ có kinh nghiệm, năng lực, trình độ và tinh thần trách nhiệm. Tổng giám đốc đã chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; xây dựng cơ chế làm việc minh bạch, phân quyền cụ thể để mỗi thành viên có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao. Với vai trò là người đại diện pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm cao nhất trong công tác điều hành, Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tuần với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, đồng thời tổ chức họp theo chuyên đề công việc để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Ngoài việc tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT, Tổng giám đốc đã chủ động tổ chức các cuộc họp, hội ý định kỳ hàng tháng với Chủ tịch HĐQT nhằm báo cáo, đánh giá, rà soát tình hình thực hiện hoạt động SXKD của Công ty. Bên cạnh đó, Tổng giám đốc đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, sắp xếp lại tổ chức bộ máy tổ chức nhân sự, cải thiện chế độ đãi ngộ cho CBNV. Ban Tổng giám đốc đã chủ động đề xuất HĐQT nhiều giải pháp về tài chính, nhân sự, đầu tư, xây dựng, quản trị hệ thống ... nhằm hoàn thành kế hoạch được giao.

- Trong hoạt động xây lắp, Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực thực hiện công tác đấu thầu đảm bảo việc làm cho CBCNV. Các dự án chuyển tiếp từ năm 2019 được triển khai đúng tiến độ, chất lượng. Đặc biệt, Ban Tổng giám đốc đã rất quyết liệt thực hiện rà soát, đối chiếu công nợ, xử lý dứt điểm một số dự án dở dang kéo dài nhiều năm.
- Hoạt động tài chính, quản lý dòng tiền thu - chi hiệu quả, minh bạch, đáp ứng yêu cầu SXKD, không để xảy ra nợ quá hạn với các tổ chức tín dụng.
- Công tác quan hệ cổ đông, công bố thông tin tiếp tục được duy trì tốt. Hoạt động đối ngoại được mở rộng.
- Ban Tổng giám đốc đã tiếp tục phối hợp tốt với các tổ chức đảng, đoàn thể của Công ty trong việc tổ chức các hoạt động thi đua, văn hóa văn nghệ, chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; Quan tâm, tạo điều kiện cho công tác xây dựng và phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong Công ty. Tập thể cán bộ, đảng viên và người lao động VIMECO hiện nay về cơ bản có tâm lý ổn định, yên tâm, tin tưởng vào kế hoạch, chiến lược phát triển của Ban lãnh đạo mới.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI

- Sự thay đổi về tư duy, phương thức, tác phong làm việc của một bộ phận CBNV còn chậm, ảnh hưởng tới năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.
- Hoạt động xây lắp vẫn còn chưa tương xứng với vị thế, năng lực của VIMECO trên thị trường; vẫn còn một số dự án xây lắp dở dang kéo dài qua nhiều năm chưa được giải quyết dứt điểm gây lãng phí nguồn lực.

V. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Nửa đầu năm 2021 sắp kết thúc với rất nhiều khó khăn thách thức do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến đời sống kinh tế - xã hội toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Trên cơ sở nhận định tình hình dịch bệnh còn diễn biến phức tạp và kéo dài, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD trong năm, nhưng với quyết vượt khó của toàn thể ban lãnh đạo và người lao động, HĐQT xác định một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện như sau:

- Tập trung chỉ đạo, phối hợp và giám sát Ban Tổng giám đốc triển khai các giải pháp nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2021 được ĐHĐCĐ phê duyệt; xây dựng các kịch bản quản trị điều hành để hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 đối với hoạt động SXKD của toàn Công ty.
- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản trị điều hành, tư duy, tác phong làm việc của từng cá nhân, bộ phận trong toàn hệ thống; đẩy mạnh thực hiện công tác sắp xếp lại cơ cấu tổ chức - lao động; hoàn thiện cơ chế trả lương và chế độ đãi ngộ cho người lao động.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh của VIMECO trong mọi lĩnh vực; đẩy mạnh công tác đấu thầu các dự án có vốn đầu tư nước ngoài hoặc các dự án của chủ đầu tư trong nước có nguồn vốn tốt;
- Quản lý và sử dụng dòng tiền một cách khoa học, linh hoạt, đúng quy định, đảm bảo an toàn tài chính; tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, quyết toán các dự án dở dang.
- Phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác uy tín trong nước và quốc tế để tìm kiếm cơ hội phát triển hoạt động SXKD của Công ty.

VI. KẾT LUẬN

Trong năm 2021, HĐQT Công ty sẽ tiếp tục chỉ đạo quyết liệt để có những giải pháp mang tính đột phá, cùng với Ban điều hành Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, từng bước củng cố toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm ổn định phát triển, mang lại lợi ích thiết thực cho các Cổ đông và người lao động của Công ty, cũng như tiếp tục khẳng định vị thế, thương hiệu của Công ty trên thị trường.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như k/gửi;
- Lưu VP, TBT.



Nguyễn Xuân Đông

PHỤ LỤC 1: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2020

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Xuân Đông (Chủ tịch)	4	100%	
2	Ông Nguyễn Hữu Tới	4	100%	
3	Ông Dương Văn Mậu	4	100%	
4	Ông Hoàng Trọng Đức	4	100%	
5	Ông Nguyễn Đức Dũng	4	100%	

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần VIMECO (sau đây gọi tắt là Công ty),
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam,
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2020.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2020 như sau:

I. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên trong năm 2020:

1. Cơ cấu Tổ chức Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát năm 2020 bao gồm:

- Ông Vũ Văn Mạnh - Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang
- Ông Nguyễn Hoàng Nam

2. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên

Trong năm 2020, các Kiểm soát viên và Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy chế nội bộ của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, cụ thể như sau:

- Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, thẩm định báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019; Thông qua các Báo cáo/Tờ trình của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.
- Phối hợp với HĐQT và Ban điều hành công ty trong công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Công ty.
- Hỗ trợ công ty trong công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán các BCTC năm 2020 của Công ty.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Thẩm định các Báo cáo tài chính quý, năm 2020 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các

quy định của pháp luật hiện hành. Đóng góp ý kiến thảo luận với mục đích nâng cao tính minh bạch và chính xác của hệ thống báo cáo tài chính.

- Kiểm tra, đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty.
- Tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, các quyết định của Ban Điều hành.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ.

II. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, thể hiện:

- Ban Kiểm soát đã được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành công ty. Được tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát nhận được các tài liệu, thông tin của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

III. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2020 HĐQT đã họp 04 cuộc họp, đã ban hành 08 nghị quyết, 9 quyết định. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự và thẩm quyền.
- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:
 - + Thông qua chương trình, nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.
 - + Phê duyệt thanh lý tài sản, thiết bị của công ty.
 - + Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt nam là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020 của Công ty.
 - + Phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn và bảo lãnh năm 2020.
 - + Phê duyệt phương án chi trả cổ tức năm 2019 của Công ty.
 - + Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty.
 - + Phê duyệt các nội dung phục vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty; đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

IV. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Điều hành

- Ban Điều hành Công ty trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Năm 2020 ban giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện kiện toàn lại bộ máy, tinh giản số lượng lao động (số lượng lao động hiện nay giảm từ 854 người cuối năm 2019 xuống còn 487 người cuối năm 2020) và hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế của công ty
- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh: Năm 2020 Công ty không hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu theo nghị quyết ĐHĐCĐ. Cụ thể: Công ty mẹ Doanh thu đạt 59,95% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 13,61% và 14,15% so với kế hoạch; Tỷ lệ so với thực hiện năm 2019 tương ứng lần lượt là 55,22%, 29,90%, 34,26%.

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2020 cũng giảm mạnh so với thực hiện năm 2019, cụ thể: Doanh thu, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế hợp nhất lần lượt là 642,9 tỷ đồng (giảm 44,4%), 4,1 tỷ đồng (giảm 64,6%) và 3,4 tỷ đồng (giảm 56,5%).

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch covid nên Công ty gặp khó khăn trong hoạt động chính là xây lắp, sản xuất công nghiệp. Mặt khác với đặc thù hoạt động của công ty có nhiều máy móc thiết bị lớn trong khi không có nhiều công trình thực hiện nên chi phí khấu hao hàng năm của công ty lớn (năm 2020 là 35,1 tỷ đồng, xấp xỉ năm 2019) và nhân công, thợ lái bậc cao nhiều nên mặc dù công ty đã cố gắng tiết giảm chi phí nhưng cũng không thể giảm tương ứng với mức giảm doanh thu (giảm 44,78%) dẫn đến lợi nhuận đạt thấp hơn nhiều so với kế hoạch 2020 và thực hiện 2019.

- **Đánh giá các lĩnh vực hoạt động của Công ty**

* **Hoạt động xây lắp**

Năm 2020, hoạt động xây lắp đạt doanh thu 334,7 tỷ đồng đạt 53% kế hoạch và bằng 47% so với thực hiện năm 2019. Nguyên nhân là do ảnh hưởng dịch Covid và thiên tai nên trong năm 2020 nên Công ty gặp khó khăn trong công tác tìm kiếm dự án mới, các hợp đồng dự kiến triển khai trong năm 2020 không thực hiện được theo kế hoạch. Một số công trình đang thi công phải tạm dừng nên dẫn đến chi phí cho công trường lớn trong khi không ghi nhận doanh thu.

Doanh thu từ các hợp đồng chuyển tiếp từ 2019 sang 2020 không nhiều (129 tỷ đồng). Giá trị hợp đồng ký mới trong năm 2020 là 587 tỷ đồng, đóng góp 205 tỷ đồng doanh thu năm 2020. Một số công trình gần cuối năm 2020 bắt đầu triển khai nên chưa đóng góp nhiều cho doanh thu của công ty như dự án Cao tốc Phan thiết Dầu Dây, Cầu Vĩnh Tuy, Viện K.

* **Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng**

Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng của Công ty là sản xuất Bê tông phục vụ cho các dự án công ty đang thực hiện và kinh doanh.

Doanh thu sản xuất vật liệu xây dựng 274,6 tỷ đồng/393,9 tỷ đồng kế hoạch, đạt 69,7% kế hoạch và bằng 69,6% so với thực hiện năm 2019. Lợi nhuận gộp đạt: 12,01 tỷ đồng/16,5 tỷ đồng kế hoạch (đạt 72,47% kế hoạch năm)

* **Các hoạt động khác:**

+ **Kinh doanh bất động sản và hạ tầng**

Hiện nay công ty đang cho thuê một phần tầng 1 và phần đất thuộc trụ sở công ty; tầng 1, 2 tòa nhà CT1; một phần tầng 1 CT2; tầng 1, 2 CT3 Trung hòa 2. Ngoài ra công ty còn cho thuê mặt bằng tại Phú Minh – Sóc Sơn – Hà nội. Doanh thu từ hoạt động cho thuê Bất động sản trong năm 2020 là 11,11 tỷ đồng đạt 78,41% kế hoạch năm; lợi nhuận gộp là 7,4 tỷ đồng (đạt 32,23% kế hoạch) Do ảnh hưởng của dịch covid đến hoạt động kinh doanh nói chung của nền kinh tế nên một số đơn vị đã dừng thuê mặt bằng của Vimeco hoặc xin giảm tiền thuê.

- + Hoạt động của Trường Mầm Non Vimeco cũng chịu ảnh hưởng của dịch covid. Doanh thu đạt 7,7 tỷ đồng (bằng 66,3% so với thực hiện 2019) và lợi nhuận năm 2020 là 1,1 tỷ đồng (năm 2019 thực hiện đạt 3,1 tỷ đồng).
- + Chi phí bán hàng âm 15,83 tỷ đồng do Công ty hoàn nhập dự phòng bảo hành đối với một số hạng mục hết thời hạn bảo hành của dự án CT4 (giá trị trích lập bảo hành công trình CT4 còn lại tại 31/12/2020 sau khi hoàn nhập là 27,08 tỷ đồng)
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 31,4% so với thực hiện năm 2019, nguyên nhân chủ yếu do tác động của trích lập/hoàn nhập dự phòng (năm 2020 phải trích lập dự phòng trong khi năm 2019 được hoàn nhập) và trong năm 2020 Công ty hạch toán chi phí lương của CBCNV Xưởng Ngọc Hồi, Kho Cơ giới An Khánh, Kho cơ giới Đà Nẵng vào chi phí quản lý doanh nghiệp mà không phân vào các công trình, khối trạm trộn như các năm trước (do trong năm các bộ phận này không phát sinh doanh thu, đồng thời các công trình dự án năm 2020 phát sinh ít nên Công ty hạch toán chi phí lương các bộ phận này vào chi phí quản lý doanh nghiệp).
- * **Công ty cổ phần Vimeco cơ khí và thương mại (Vimeco sở hữu 76,85% VDL):** Doanh thu năm 2020 là 29,1 tỷ đồng, cũng giảm mạnh so với 2019 (giảm 41,8%), có lãi 339 triệu đồng tuy nhiên còn nhiều tiềm ẩn rủi ro về công nợ.

V. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty được lập theo các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành; Được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (là đơn vị được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán Công ty niêm yết).
- Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.
- Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ:

* Bảng cân đối kế toán Công ty mẹ rút gọn tại ngày 31/12/2020

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2020	1/1/2020
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	854.359.953.850	1.057.087.776.228
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	38.990.603.189	105.521.774.325
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	74.074.992.762	72.485.863.014
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	610.099.279.112	753.043.008.434
4	Hàng tồn kho	129.581.039.920	123.932.686.484
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.614.038.867	2.104.443.971
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	188.442.932.593	219.818.132.640
1	Các khoản phải thu dài hạn	29.716.578.310	
2	Tài sản cố định	130.808.510.613	160.184.700.306
3	Bất động sản đầu tư		

4	Tài sản dở dang dài hạn	10.387.606.237	38.785.030.860
5	Đầu tư tài chính dài hạn	8.327.755.599	8.102.259.807
6	Tài sản dài hạn khác	9.202.481.834	12.746.141.667
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.042.802.886.443	1.276.905.908.868
C	NỢ PHẢI TRẢ	689.268.851.686	908.665.210.978
1	Nợ ngắn hạn	646.293.540.787	837.470.768.612
2	Nợ dài hạn	42.975.310.899	71.194.442.366
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	353.534.034.757	368.240.697.890
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.042.802.886.443	1.276.905.908.868

* Kết quả kinh doanh Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2019	TH2020/TH2019 (%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	632.988.302.869	1.146.267.275.994	55,2
2	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	598.892.098.610	1.100.681.683.607	54,4
3	Doanh thu hoạt động tài chính	5.656.438.322	6.532.647.533	86,6
4	Chi phí tài chính	13.859.238.629	28.328.683.787	48,9
5	Chi phí bán hàng	-15.828.624.467		
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.705.068.298	29.445.051.570	131,4
7	Lợi nhuận khác	1.018.463.097	19.153.793.422	5,3
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.035.423.218	13.498.297.985	29,9
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.293.336.867	9.611.598.027	34,3

VI. Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH/KH (%)
- Tổng doanh thu	1.055,87	632,99	59,95
- Lợi nhuận trước thuế	29,6	4,04	13,89
- Lợi nhuận sau thuế	23,25	3,29	14,16
- Cổ tức	8%	Dự kiến 5%	62,5

Như vậy, năm 2020 Công ty mẹ chỉ hoàn thành 59,95% kế hoạch doanh thu và 14,16% kế hoạch lợi nhuận trước thuế. Công ty dự kiến chi trả cổ tức với tỷ lệ 5% (đạt 62,5% kế hoạch) với nguồn bổ sung từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước để lại.

2. Các nội dung khác:

Các nội dung khác được thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ được công ty thực hiện đúng quy định:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC bán niên và cả năm (công ty lựa chọn Công ty TNHH ERSNT & Young Việt Nam)
- Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2019

VII. Kiến nghị:

Ban Kiểm soát kiến nghị HĐQT và Ban điều hành Công ty:

- Đổi mới công tác quản lý, kiện toàn lại cơ cấu tổ chức - lao động, tăng cường công tác quản lý giá và chi phí để nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tích cực tìm kiếm nguồn công việc mới để khai thác tối đa các nguồn lực và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Lập phương án kinh tế của từng hợp đồng xây lắp, thực hiện quản lý chặt chẽ dòng tiền, chi phí và hiệu quả theo phương án kinh tế của từng hợp đồng.
- Rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng xe máy thiết bị, sắp xếp XMTB bị phù hợp hoạt động của Công ty đang thực hiện, cho thuê đối với XMTB chưa sử dụng đến, thanh lý XMTB không cần dùng. Rà soát các tài sản khác để có phương án khai thác hiệu quả.
- Xây dựng cơ chế khoán áp dụng đối với các Trạm bê tông để nâng cao hiệu quả lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, quyết toán các dự án, công trình dở dang. Rà soát, xử lý các khoản nợ tồn đọng lâu ngày đã trích lập dự phòng. Tăng cường quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động Công ty Vimeco Cơ khí và Thương mại, thanh lý khoản đầu tư vào công ty khác không mang lại hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động Công ty năm 2020 của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát xin chân thành cảm ơn các Quý cổ đông, các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ công nhân viên Công ty đã phối hợp, tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ trong năm vừa qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021,
- Các thành viên BKS,
- Lưu VP.



Vũ Văn Mạnh

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt các Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VIMECO được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 08/03/2019.

Ngày .../.../2021, Công ty VIMECO đã hoàn thành việc lập và công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty Ernst & Young Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được Công ty công bố trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và website Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty VIMECO kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phê duyệt Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu VP, TKTH, TCKT.



Nguyễn Xuân Đông

Hà Nội, ngày 19 tháng 2 năm 2021

Số: 187/2021/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VIMECO được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 08/3/2019 và các quy định hiện hành về việc phân phối lợi nhuận;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty Ernst & Young Việt Nam ngày tháng năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty VIMECO kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

- | | |
|--|-------------------------------|
| 1. Lợi nhuận chưa phân phối | : 27.352.511.063 đồng; |
| <i>Trong đó:</i> | |
| 1.1. Lợi nhuận 2019 chuyển sang | : 24.059.174.196 đồng; |
| 1.2. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 | : 3.293.336.867 đồng; |
| 2. Chi cổ tức 5% cho các cổ đông | : 10.000.000.000 đồng; |
| 3. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (1-2) | : 17.352.511.063 đồng; |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu VP, TKTH, TCKT.



Nguyễn Xuân Đông

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

Căn cứ Điều 4, Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/3/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc phê duyệt kế hoạch chi trả tổng thù lao Hội đồng quản trị và tiền lương/thù lao Ban Kiểm soát năm 2020 .

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

1. Quyết toán chi trả tiền lương/thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2020:

TT	Chức danh	Thù lao đối với thành viên không chuyên trách (đồng)
1	Hội đồng quản trị	540.000.000
2	Ban Kiểm soát	240.000.0000
	Tổng cộng	780.000.000

2. Kế hoạch thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2021:

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (đồng/người/tháng)	GHI CHÚ
1	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	
2	Thành viên HĐQT	10.000.000	
3	Trưởng Ban kiểm soát	10.000.000	
4	Thành viên Ban kiểm soát	5.000.000	

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Đông

Số: 139/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua chủ trương giao dịch với Công ty mẹ Vinaconex và/hoặc công ty thành viên trong cùng tập đoàn/nhóm Vinaconex

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

Công ty Cổ phần Vimeco được thành lập từ năm 1997 và hiện do Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam - VINACONEX nắm 51,4% Vốn Điều lệ.

Công ty Cổ phần Vimeco cùng với Tổng công ty VINACONEX và các đơn vị thành viên khác của Tổng công ty VINACONEX hoạt động theo mô hình Tập đoàn kinh tế / Tổng công ty, là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác.

Dưới mô hình hoạt động Tập đoàn kinh tế / Tổng công ty, Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam thực hiện vai trò định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, phát triển thương hiệu của cả hệ thống VINACONEX; Các công ty con, công ty liên kết trong hệ thống được phân chia hoạt động trong các lĩnh vực chuyên ngành cụ thể và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo định hướng chiến lược chung của Tổng công ty.

Để tiếp tục phát huy được thế mạnh hoạt động theo mô hình Tập đoàn kinh tế / Tổng công ty và đồng thời đảm bảo sự kết nối xuyên suốt với Công ty mẹ - Tổng công ty VINACONEX trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như sự phối hợp hoạt động chung với Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong hệ thống tập đoàn VINACONEX, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua nội dung sau:

1. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch trong tương lai giữa Công ty Cổ phần Vimeco với Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam - VINACONEX và/hoặc các đơn vị thành viên của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (theo danh sách chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo) theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của các hợp đồng, giao dịch cụ thể tại mục 1 nêu trên, kể cả việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế các hợp đồng, giao dịch đó.

Công ty CP Vimeco kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu VP.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đông

**PHỤ LỤC 1 - DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CỦA TỔNG CÔNG TY CP VINA CONEX**

TT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn điều lệ đăng ký (VND)	Ghi chú
A	CÔNG TY CON		
1	Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng	200.000.000.000	
2	Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu tư	880.000.000.000	
3	Công ty TNHH Thủy tinh Pha lê Bohemia Hà Nội	136.973.815.950	Công ty con của Vinaconex Đầu tư
4	Công ty CP Bất động sản Vinaconex	190.000.000.000	Công ty con của Vinaconex Đầu tư
5	Công ty CP Xây dựng số 1	120.000.000.000	
6	Công ty CP Xây dựng số 17 Vinaconex	15.075.836.146	
7	Công ty CP Vinaconex 25	120.000.000.000	
8	Công ty CP VIMECO	200.000.000.000	
9	Công ty CP Vimeco Cơ khí và Thương mại (Vimeco M&T)	20.000.000.000	Công ty con của Vimeco
10	Công ty CP Viwaco	160.000.000.000	
11	Công ty CP Vinaconex Dung Quất	47.980.590.000	
12	Công ty CP Đầu tư và PT Điện Miền Bắc 2 (Nedi2)	500.000.000.000	
13	Công ty CP ĐT&DV đô thị Việt Nam (Vinasinco)	20.000.000.000	
14	Công ty CP Phát triển TM Vinaconex (VCTD)	200.000.000.000	
15	Công ty CP Tư vấn xây dựng Vinaconex (Vinaconsult)	11.000.000.000	
16	Công ty CP tư vấn xây dựng Vina - VCC	4.000.000.000	Công ty con của Vinaconsult
17	Công ty CP Vinaconex Sài Gòn	61.014.930.000	
18	Công ty CP Cơ điện Vinaconex	100.000.000.000	
19	Công ty TNHH MTV Giáo dục Lý Thái Tổ	137.568.882.884	
20	Công ty CP Bách Thiên Lộc	330.000.000.000	
21	Công ty CP Xây dựng số 16	15.000.000.000	
22	Các công ty con khác của Tổng công ty CP Vinaconex (gia nhập vào nhóm Vinaconex trong tương lai thông qua việc thành lập mới hoặc thông qua giao dịch mua bán sáp nhập của Vinaconex)		
B	CÔNG TY LIÊN DOANH - LIÊN KẾT		
23	Công ty CP Xây dựng số 9	120.000.000.000	
24	Công ty CP Xây dựng số 12	58.180.000.000	
25	Công ty CP Nhân lực và Thương mại Vinaconex	30.000.000.000	
26	Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng đô thị Vĩnh Phúc	230.000.000.000	
27	Công ty CP Đầu tư BOT Hà Nội-Bắc Giang	496.322.400.000	
28	Công ty CP Đầu tư và PT du lịch Vinaconex (ITC)	1.800.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 143./2021/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Đề nghị thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VIMECO (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Căn cứ kết quả thẩm tra của Ban Kiểm soát về công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vimeco thông qua nội dung sau:

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một công ty trong Danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2021 để kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Các thành viên BKS;
- Lưu VP.



Vũ Văn Mạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Số: 140 /2021/TT-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị phê duyệt Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Để đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vimeco phê duyệt và thông qua toàn văn Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Vimeco (*chi tiết đính kèm*).

Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Vimeco sẽ có hiệu lực áp dụng sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu VP.



Nguyễn Xuân Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Số: 144 /2021/TT- HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Để đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vimeco phê duyệt và thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vimeco (*chi tiết đính kèm*).

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vimeco sẽ có hiệu lực áp dụng sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu VP.



Nguyễn Xuân Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Số: 161 /2021/TT-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Để đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vimeco phê duyệt và thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vimeco (chi tiết đính kèm).

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vimeco sẽ có hiệu lực áp dụng sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Các thành viên BKS;
- Lưu VP.



Vũ Văn Mạnh

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
Hà nội, ngày tháng năm 2021

PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT BIỂU

Họ và tên cổ đông:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số CP sở hữu/hoặc đại diện:

Nội dung đăng ký phát biểu:

1.

.....
.....

2.

.....
.....

3.

.....
.....

4.

.....
.....

5.

.....
.....

Số tham chiếu: 61607250/22096003

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Vimeco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vimeco ("Công ty") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Building a better
working world

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 17 tháng 3 năm 2020.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		854.359.953.850	1.057.087.776.228
110	I. Tiền	4	38.990.603.189	105.521.774.325
111	1. Tiền		38.990.603.189	105.521.774.325
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		74.074.992.762	72.485.863.014
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	74.074.992.762	72.485.863.014
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		610.099.279.112	753.043.008.434
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	589.281.306.704	731.973.864.765
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	33.855.286.935	40.310.928.004
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	28.308.732.077	21.997.164.055
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(41.346.046.604)	(41.238.948.390)
140	IV. Hàng tồn kho	9	129.581.039.920	123.932.686.484
141	1. Hàng tồn kho		129.908.965.066	123.932.686.484
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(327.925.146)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.614.038.867	2.104.443.971
153	1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	1.614.038.867	2.104.443.971
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		188.442.932.593	219.818.132.640
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		29.716.578.310	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		5.167.381.754	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	24.549.196.556	-
220	II. Tài sản cố định		130.808.510.613	160.184.700.306
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	130.808.510.613	160.184.700.306
222	Nguyên giá		502.628.291.716	507.427.274.718
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(371.819.781.103)	(347.242.574.412)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		-	3.886.376.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	(3.886.376.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	1. Nguyên giá		2.134.315.384	2.134.315.384
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.134.315.384)	(2.134.315.384)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		10.387.606.237	38.785.030.860
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	11	9.001.562.600	33.550.759.156
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.386.043.637	5.234.271.704
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	8.327.755.599	8.102.259.807
251	1. Đầu tư vào công ty con		15.369.000.000	15.369.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.362.500.000	7.362.500.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(14.403.744.401)	(14.629.240.193)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.202.481.834	12.746.141.667
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	8.675.321.244	12.218.981.077
268	2. Tài sản dài hạn khác		527.160.590	527.160.590
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.042.802.886.443	1.276.905.908.868

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		689.268.851.686	908.665.210.978
310	I. Nợ ngắn hạn		646.293.540.787	837.470.768.612
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	261.004.957.679	350.197.145.878
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	122.084.122.239	140.869.044.974
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	451.852.377	13.321.737.568
314	4. Phải trả người lao động		4.446.875.442	4.836.490.676
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	18.450.882.491	69.306.173.939
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.450.186.940	1.871.400.336
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	25.553.510.178	14.110.057.852
320	8. Vay ngắn hạn	19	211.794.929.074	242.226.793.022
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	1.056.224.367	731.924.367
330	II. Nợ dài hạn		42.975.310.899	71.194.442.366
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.348.731.000	1.515.507.000
338	2. Vay dài hạn	19	14.544.618.456	26.661.354.456
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	21	27.081.961.443	43.017.580.910
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		353.534.034.757	368.240.697.890
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	353.534.034.757	368.240.697.890
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		30.000.000.000	30.000.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		96.181.523.694	96.181.523.694
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.352.511.063	42.059.174.196
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		24.059.174.196	32.447.576.169
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.293.336.867	9.611.598.027
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.042.802.886.443	1.276.905.908.868


Võ Thị Hải An
Người lập


Phạm Văn Vũ
Kế toán trưởng




Đặng Văn Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	632.988.302.869	1.146.267.275.994
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	632.988.302.869	1.146.267.275.994
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(598.892.098.610)	(1.100.681.683.607)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.096.204.259	45.585.592.387
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	5.656.438.322	6.532.647.533
22	7. Chi phí tài chính	26	(13.859.238.629)	(28.328.683.787)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(14.084.734.421)	(22.549.820.251)
25	8. Chi phí bán hàng	25	15.828.624.467	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(38.705.068.298)	(29.445.051.570)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		3.016.960.121	(5.655.495.437)
31	11. Thu nhập khác	27	2.070.856.053	19.776.463.520
32	12. Chi phí khác		(1.052.392.956)	(622.670.098)
40	13. Lợi nhuận khác		1.018.463.097	19.153.793.422
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.035.423.218	13.498.297.985
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(742.086.351)	(3.886.699.958)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.293.336.867	9.611.598.027


Võ Thị Hải An
Người lập


Phạm Văn Vũ
Kế toán trưởng


Đặng Văn Hiếu
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		4.035.423.218	13.498.297.985
	Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư	10	35.004.689.238	37.553.411.317
03	(Hoàn nhập)/trích lập các khoản dự phòng		(15.726.091.899)	3.744.498.949
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.485.914.976)	(26.201.661.924)
06	Chi phí lãi vay	26	14.084.734.421	22.549.820.251
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.912.840.002	51.144.366.578
09	Giảm các khoản phải thu		137.165.704.761	155.398.374.468
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(5.976.278.582)	50.384.282.838
11	Giảm các khoản phải trả		(177.036.760.617)	(180.144.232.423)
12	Giảm chi phí trả trước		7.391.887.900	7.084.593.741
14	Tiền lãi vay đã trả		(14.712.387.230)	(22.469.391.249)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(251.681.247)	(9.337.045.014)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	20.500.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.675.700.000)	(7.515.612.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(24.182.375.013)	44.565.836.939
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.628.499.545)	(5.084.941.338)
22	Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		829.476.654	26.689.614.091
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác		-	(3.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	45.523.561.644
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.061.258.271	6.452.040.941
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		262.235.380	70.580.275.338

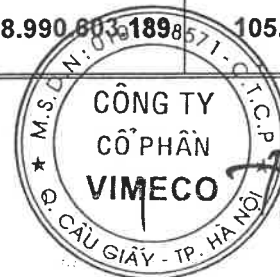
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		443.411.789.557	741.172.329.145
34	Tiền trả nợ gốc vay		(485.960.389.505)	(772.114.743.318)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(62.431.555)	(60.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(42.611.031.503)	(90.942.414.173)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(66.531.171.136)	24.203.698.104
60	Tiền đầu năm		105.521.774.325	81.318.076.221
70	Tiền cuối năm	4	38.990.603.189	105.521.774.325


Võ Thị Hải An
Người lập


Phạm Văn Vũ
Kế toán trưởng




Đặng Văn Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61607250/22096003 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Vimeco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vimeco ("Công ty") và công ty con, được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Building a better
working world

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 17 tháng 3 năm 2020.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Lt2

Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4656-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		885.450.647.884	1.103.723.640.866
110	I. Tiền	4	39.037.400.860	106.128.206.487
111	1. Tiền		39.037.400.860	106.128.206.487
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		74.074.992.762	74.485.863.014
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	74.074.992.762	74.485.863.014
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		613.034.535.266	754.724.852.954
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	609.013.030.412	751.669.646.331
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	18.003.799.342	27.598.494.745
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	30.746.826.768	24.246.151.919
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(44.729.121.256)	(48.789.440.041)
140	IV. Hàng tồn kho	9	157.253.459.017	165.844.053.328
141	1. Hàng tồn kho		157.581.384.163	165.844.053.328
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(327.925.146)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.050.259.979	2.540.665.083
153	1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	2.050.259.979	2.540.665.083
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		184.246.959.911	216.350.004.681
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		29.716.578.310	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	5.167.381.754	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	24.549.196.556	-
220	II. Tài sản cố định		132.617.097.417	162.697.812.537
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	132.617.097.417	162.697.812.537
222	Nguyên giá		531.260.106.776	536.059.089.778
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(398.643.009.359)	(373.361.277.241)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		-	3.886.376.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	(3.886.376.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	1. Nguyên giá		2.134.315.384	2.134.315.384
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.134.315.384)	(2.134.315.384)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		10.659.343.350	38.785.030.860
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11	9.001.562.600	33.550.759.156
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.657.780.750	5.234.271.704
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	1.990.000.000	1.990.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.362.500.000	7.362.500.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.372.500.000)	(5.372.500.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.263.940.834	12.877.161.284
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	8.736.780.244	12.350.000.694
268	2. Tài sản dài hạn khác		527.160.590	527.160.590
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.069.697.607.795	1.320.073.645.547

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

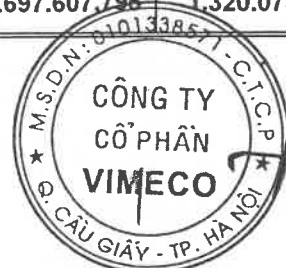
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		714.253.875.193	950.036.973.120
310	I. Nợ ngắn hạn		671.278.564.294	878.842.530.754
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	266.958.672.037	372.166.033.028
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	125.141.377.083	144.012.677.974
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.786.648.184	14.548.643.324
314	4. Phải trả người lao động		5.515.102.887	5.467.145.308
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	18.469.919.564	69.325.211.012
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.450.186.940	1.871.400.336
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	28.015.428.851	15.994.326.543
320	8. Vay ngắn hạn	19	221.883.619.358	254.715.083.839
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	1.057.609.390	742.009.390
330	II. Nợ dài hạn		42.975.310.899	71.194.442.366
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.348.731.000	1.515.507.000
338	2. Vay dài hạn	19	14.544.618.456	26.661.354.456
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	21	27.081.961.443	43.017.580.910
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		355.443.732.602	370.036.672.427
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	355.443.732.602	370.036.672.427
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		30.000.000.000	30.000.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		96.790.428.264	96.790.428.264
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.830.956.083	41.502.442.091
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		23.502.442.091	31.926.021.189
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.328.513.992	9.576.420.902
429	5. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		1.822.348.255	1.743.802.072
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.069.697.607.795	1.320.073.645.547



Võ Thị Hải An
Người lập



Phạm Văn Vũ
Kế toán trưởng



Đặng Văn Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

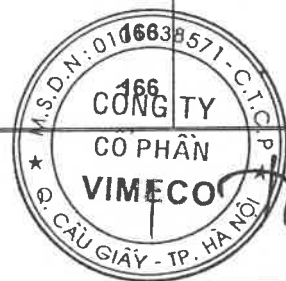
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	642.882.780.448	1.156.570.476.399
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	642.882.780.448	1.156.570.476.399
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(607.367.500.569)	(1.105.623.882.653)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.515.279.879	50.946.593.746
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	5.747.699.131	6.656.559.460
22	7. Chi phí tài chính	27	(15.295.691.461)	(24.540.067.124)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(15.295.691.461)	(24.540.067.124)
25	8. Chi phí bán hàng	25	15.828.624.467	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(38.195.506.427)	(40.552.281.659)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		3.600.405.589	(7.489.195.577)
31	11. Thu nhập khác		2.190.758.944	20.271.090.901
32	12. Chi phí khác		(1.642.018.007)	(1.070.666.084)
40	13. Lợi nhuận khác		548.740.937	19.200.424.817
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.149.146.526	11.711.229.240
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(742.086.351)	(3.886.699.958)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.407.060.175	7.824.529.282
61	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		3.328.513.992	9.576.420.902
62	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22	78.546.183	(1.751.891.620)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	166	379
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	166	379

Võ Thị Hải An
Người lập

Phạm Văn Vũ
Kế toán trưởng

Đặng Văn Hiếu
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		4.149.146.526	11.711.229.240
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư	10	35.709.214.665	38.448.460.250
03	(Hoàn nhập)/trích lập các khoản dự phòng		(19.668.013.106)	5.353.300.776
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.577.175.785)	(26.746.262.033)
06	Chi phí lãi vay	27	15.295.691.461	24.540.067.124
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		28.908.863.761	53.306.795.357
09	Giảm các khoản phải thu		142.170.970.935	156.879.764.253
10	Giảm hàng tồn kho		8.262.669.165	40.354.414.930
11	Giảm các khoản phải trả		(191.015.198.719)	(166.531.496.127)
12	Giảm chi phí trả trước		7.189.711.404	7.367.173.860
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.923.344.270)	(23.408.248.233)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(251.681.247)	(9.487.747.264)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	20.500.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.684.400.000)	(7.592.012.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(22.342.408.971)	50.909.144.776
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.628.499.545)	(5.084.941.338)
22	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		829.476.654	26.891.614.091
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	45.523.561.644
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.061.258.271	6.461.984.033
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		262.235.380	68.792.218.430

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		449.261.450.963	766.382.859.441
34	Tiền trả nợ gốc vay		(494.209.651.444)	(804.380.538.233)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(62.431.555)	(60.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(45.010.632.036)	(97.997.678.792)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(67.090.805.627)	21.703.684.414
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		106.128.206.487	84.424.522.073
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	39.037.400.860	106.128.206.487


Võ Thị Hải An
Người lập


Phạm Văn Vũ
Kế toán trưởng




Đặng Văn Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2021